

# BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG THEO TIẾP CẬN CIPO

Nguyễn Thị Hiền

NCS Khoa 20.1, Trường Đại học Sư phạm, TP. Hồ Chí Minh

Email: hiennt@tdmu.edu.vn

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay, người giáo viên mầm non (GVMN) không chỉ cần bảo đảm chuẩn chức danh nghề nghiệp mà còn phải có trình độ chuyên môn tốt và năng lực nghề nghiệp vững vàng. Vì vậy chất lượng đội ngũ GVMN như thế nào phụ thuộc vào quá trình đào tạo trong các nhà trường sư phạm. Bài viết phân tích một số biện pháp quản lý chất lượng đào tạo GVMN ở trường ĐH Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo tiếp cận CIPO.

**Từ khoá:** Chất lượng đào tạo, đại học, giáo viên MN, quản lý, tiếp cận CIPO

Nhận bài: 03/07/2022; Phản biện: 08/07/2022; Duyệt đăng: 12/07/2022

## 1. Đặt vấn đề

Giáo viên mầm non (GVMN) là nguồn nhân lực trong GDMN quyết định chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng trẻ trong các trường MN. Yêu cầu này đặt ra cho cơ sở đào tạo GV nhiệm vụ quan trọng là phải nâng cao và bảo đảm chất lượng đào tạo GV. Năm 2000 UNESCO đưa ra mô hình CIPO, xem hoạt động đào tạo gồm 3 thành phần cơ bản với 10 yếu tố của quá trình giáo dục. Từ Đầu vào (Input); Quá trình (Process); Đầu ra (Output) và đặt trong bối cảnh (Context) cụ thể của môi trường kinh tế và xã hội địa phương nhằm quản lý hoạt động đào tạo nói chung.

Thực tế quản lý đào tạo GVMN ở trường ĐH Thủ Dầu Một đang đứng trước yêu cầu đổi mới giáo dục và đổi mới GDMN còn bộc lộ các hạn chế trong công tác xây dựng khung năng lực nghề nghiệp, xây dựng nội dung chương trình phù hợp thực tiễn, thực hiện quá trình đào tạo, kiểm tra đánh giá việc thực hiện quy trình đào tạo... dẫn đến người GVMN được đào tạo ra chưa thích ứng đầy đủ với nhu cầu thực tiễn xã hội. Vì vậy, cần thiết phải có các biện pháp quản lý đào tạo đa dạng, toàn diện để từ đó nâng cao được chất lượng đào tạo và chất lượng đội ngũ GVMN đáp ứng nhu cầu xã hội trong bối cảnh kinh tế xã hội phát triển.

## 2. Các khái niệm cơ bản

### 2.1. Quản lý

H.Fayol (1886-1925) là người đầu tiên tiếp cận quản lý theo quy trình và là người có tầm ảnh hưởng to lớn trong lịch sử tư tưởng quản lý từ thời kỳ cận - hiện đại tới nay, quan niệm rằng: "Quản lý hành chính là dự đoán và lập kế hoạch, tổ chức, điều khiển, phối hợp và kiểm tra".

Quản lý là hoạt động điều hành và kiểm soát một tổ chức nhằm đạt được các mục tiêu trong điều kiện nhiều

biến động. Quản lý chứa đựng nội dung rộng lớn, đa dạng phức tạp và luôn vận động, biến đổi, phát triển. Các học giả, khi nghiên cứu về quản lý, có nhiều cách tiếp cận và quan niệm khác nhau.

### 2.2. Chất lượng

Theo tác giả Nguyễn Hữu Châu "Chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu; là đáp ứng nhu cầu khách hàng". Chất lượng như tập hợp các thuộc tính khác nhau: chất lượng là sự xuất sắc (quality as excellence); chất lượng là sự hoàn hảo (quality as perfection); chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu (quality as fitness for purpose); chất lượng là sự đáng giá với đồng tiền bỏ ra (quality as value for money); chất lượng là sự chuyển đổi về chất (quality as transformation).

### 2.3. Khái niệm đào tạo

Từ điển Giáo dục học định nghĩa: Đào tạo là quá trình chuyển giao có hệ thống có phương pháp, kinh nghiệm, tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp chuyên môn. Đồng thời bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức cần thiết và chuẩn bị cho người học đi vào cuộc sống tự lập, góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước. Đào tạo để cập đến việc dạy các kỹ năng thực hành, nghề nghiệp hay kiến thức liên quan đến một lĩnh vực cụ thể, để người học lĩnh hội và nắm vững những tri thức, kĩ năng, nghề nghiệp một cách có hệ thống để chuẩn bị cho người đó thích nghi với cuộc sống và khả năng đảm nhận được một công việc nhất định (Viện ngôn ngữ học, 2010).

### 2.4. Khái niệm đào tạo giáo viên mầm non

Đào tạo GVMN là quá trình truyền thụ kiến thức, kỹ năng, nghề nghiệp GDMN, hình thành thái độ cho sinh viên (SV) chiếm lĩnh những kỹ năng nghề nghiệp của GDMN để trở thành GV trong các cơ sở về GDMN sau này.

### 2.5. Quản lý chất lượng

Ishikawa cho rằng " Quản lý chất lượng là nghiên cứu triển khai, thiết kế sản xuất, bảo dưỡng sản phẩm có chất lượng, kinh tế nhất, có ích nhất cho người tiêu dùng và bao giờ cũng thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng". Chúng tôi hiểu rằng: Quản lý chất lượng là hệ thống các quy trình nhằm đảm bảo chất lượng thỏa mãn nhu cầu thị trường với chi phí thấp nhất, có hiệu quả kinh tế cao nhất được tiến hành trong tất cả các giai đoạn từ thiết kế, sản xuất đến phân phối, sử dụng sản phẩm.

### 2.6. Quản lý chất lượng đào tạo GVMN theo tiếp cận CIPO

Quản lý chất lượng đào tạo GVMN theo tiếp cận CIPO là tác động có định hướng, có mục đích của các chủ thể quản lý (Hiệu trưởng, các bộ phận chức năng của nhà trường...) đến hoạt động đào tạo GVMN thông qua quản lý đào tạo đầu vào, quá trình, đầu ra và bối cảnh để đạt được mục tiêu đào tạo GVMN đã xác định. Trong quá trình quản lý phải luôn hướng tới chất lượng đào tạo để đáp ứng được yêu cầu của các nhà tuyển dụng (các trường MN).

## 3. Biện pháp quản lý chất lượng đào tạo GVMN ở trường ĐH Thủ Dầu Một theo tiếp cận CIPO.

### 3.1. Hoàn thiện khung năng lực nghề nghiệp của GVMN trong giai đoạn đổi mới giáo dục hiện nay.

Để thực hiện nội dung hoàn thiện khung năng lực nghề nghiệp cho GVMN trong thời kì đổi mới giáo dục hiện nay, hiệu trưởng, giám đốc chương trình GDMN trường ĐH Thủ Dầu Một cần thực hiện các bước sau:

- Bước 1: Hiệu trưởng ĐH Thủ Dầu Một thành lập ban hoàn thiện khung năng lực nghề nghiệp của GVMN làm cơ sở cho đào tạo GVMN trong nhà trường. Ban hoàn thiện khung năng lực nghề nghiệp bao gồm: ban giám hiệu nhà trường; lãnh đạo chương trình GDMN; phòng đào tạo; các hiệu trưởng trường MN trên địa bàn tỉnh Bình Dương có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo và quản lý đào tạo GVMN.

- Bước 2: Chỉ đạo ban hoàn thiện khung năng lực nghề nghiệp GVMN làm các công việc: Xác định các phẩm chất, năng lực sư phạm đã có trong chuẩn nghề nghiệp và chuẩn đầu ra trong đào tạo GVMN ở trường ĐH Thủ Dầu Một; đánh giá đúng thực trạng các yêu cầu về phẩm chất, thái độ, kĩ năng sư phạm cần có trong thời kì đổi mới giáo dục; về quá trình đào tạo: Xác định các yêu cầu thay đổi về nội dung, chương trình mang tính cập nhật phù hợp với khung năng lực nghề nghiệp; tổ chức các nghiên cứu thực tiễn trong đào tạo và trong hoạt động nghề nghiệp của GVMN để có cơ sở thực tiễn hoàn thiện các phẩm chất, thái độ, kĩ năng nghề nghiệp của GVMN.

- Bước 3: Chỉ đạo vận dụng các kết quả nghiên cứu để xuất các tiêu chuẩn tiêu chí về phẩm chất, thái độ, kĩ năng nghề nghiệp của GVMN phù hợp với bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

- Bước 4: Thông qua Hội đồng khoa học đào tạo của trường và ra các văn bản pháp quy trong nhà trường để đào tạo GVMN. Từ đó có sự điều chỉnh nội dung, chương trình, hình thức và phương pháp đào tạo GVMN.

### 3.2. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thông tin phản hồi của SV trong đào tạo GVMN

- Xác định các tiêu chí thu thập thông tin phản hồi đối với SV trong quá trình học tập, sau tốt nghiệp; Xây dựng quy trình thu thập thông tin phản hồi từ các cơ sở sử dụng lao động; Tổ chức thu thập thông tin phản hồi về đào tạo của nhà trường từ các cơ sở sử dụng lao động; Tổ chức thu thập thông tin phản hồi về mức độ đáp ứng của SV (đạo đức, kiến thức, kỹ năng) sau khi tốt nghiệp; Sử dụng thông tin phản hồi để điều chỉnh nội dung chương trình, phương pháp dạy học của nhà trường.

- Tổ chức thu thập thông tin về kết quả học tập của SV và mức độ thích ứng với công việc; Thiết lập được mối liên hệ giữa trường sư phạm với các cơ sở GDMN sử dụng SV sau khi ra trường; Đối chiếu sản phẩm đầu ra (SV tốt nghiệp) với mục tiêu đào tạo; Sử dụng thông tin phản hồi của SV đã tốt nghiệp để phát triển chương trình, phương pháp, hình thức đào tạo; Tổ chức cho SV đã tốt nghiệp tự đánh giá (đạt được, chưa đạt được) đối chiếu với mục tiêu đào tạo của nhà trường.

- Tạo mối quan hệ của nhà trường với các cơ sở GDMN: Nhà trường cung cấp cho cơ sở GDMN thông tin SV sắp tốt nghiệp; Tổ chức hội nghị việc làm giữa cơ sở đào tạo và cơ sở GDMN sử dụng lao động; Cơ sở GDMN phản hồi cho nhà trường về chất lượng của SV ra trường; Cơ sở GDMN thông tin về khả năng đáp ứng với công việc của SV tốt nghiệp có việc làm; Nhà trường cùng cơ sở GDMN điều chỉnh hợp tác nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội; Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chất lượng đào tạo GVMN trong trường ĐH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo GVMN trong nhà trường sư phạm.

### 3.3. Phát triển chương trình đào tạo GVMN theo hướng phát triển năng lực SV gắn với yêu cầu chăm sóc - giáo dục trẻ của xã hội hiện nay

3.3.1. Chỉ đạo hội đồng khoa học đào tạo nhà trường đánh giá chương trình đào tạo GVMN đang thực hiện (mặt được và mặt chưa được); đánh giá mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo với yêu cầu đổi mới GDMN và nhu cầu xã hội hiện nay về chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ em trong các trường MN:

- Tổ chức thu thập thông tin phản hồi từ phía các trường MN, các SV sau khi tốt nghiệp công tác tại các

trường MN về đào tạo, quản lý đào tạo và mức độ đáp ứng của sản phẩm đào tạo.

- Tổ chức đánh giá chương trình đào tạo hiện hành; phân tích thực tiễn đổi mới giáo dục và nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ của xã hội; yêu cầu năng lực sư phạm GVMN cần có khi làm việc ở các trường MN trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

- Đưa ra các ý kiến về đổi mới chương trình đào tạo: mục tiêu, nội dung, hình thức và phương pháp đào tạo.

3.3.2. Chỉ đạo Chương trình GDMN, các phòng ban có liên quan đến đào tạo GVMN hoàn thiện chương trình các môn học/modul theo định hướng phát triển năng lực SV đáp ứng yêu cầu chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ trong các trường MN:

- Tổ chức nghiên cứu chương trình khung đào tạo GVMN có sự hoàn thiện theo yêu cầu đổi mới giáo dục, nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ của xã hội.

- Tổ chức phân công nhân lực dự thảo các chương trình chi tiết môn học mà các bộ phận cá nhân đảm nhiệm trong đào tạo GVMN. Trong đó cần xác định rõ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV GDMN cần đạt được và cách thức làm như thế nào để có các năng lực sư phạm cần thiết đáp ứng yêu cầu của các trường MN sau này khi ra công tác. Bổ sung các nội dung hoàn thiện đó vào chương trình chi tiết các môn học.

- Tổ chức thẩm định chương trình chi tiết với sự tham gia của hội đồng khoa học và đào tạo, giảng viên và đại diện của các trường MN.

- Thực hiện hoàn thiện nội dung dự thảo chương trình chi tiết theo góp ý của hội đồng khoa học và đào tạo cùng các chuyên gia GDMN.

- Tổ chức ban hành và thực hiện chương trình chi tiết môn học trong đào tạo GVMN của nhà trường.

3.4. *Đánh giá kết quả đào tạo GVMN theo tiếp cận CIPO*

- Việc đánh giá kết quả đào tạo theo tiếp cận CIPO bao gồm:

+ Đối chiếu sản phẩm đầu ra (SV tốt nghiệp) với mục tiêu đào tạo bao gồm có đáp ứng yêu cầu về kiến thức; đáp ứng yêu cầu về ý thức, thái độ học tập.

+ Đánh giá lại các khâu trong đào tạo đối với sản phẩm đào tạo.

+ Đánh giá khả năng thích ứng với công việc đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, các trường MN đang mong chờ các cơ sở đào tạo về GVMN

- Đánh giá thông tin tỷ lệ SV đã ra trường tham gia hành nghề tại các trường MN, các cơ sở GDMN hay làm việc khác, mức thu nhập trung bình của SV. Để có thông tin để đánh giá nhà trường cần thực hiện các bước:

+ Đổi mới phương pháp đánh giá, xây dựng quy trình đối chiếu sản phẩm đầu ra để xác định mục tiêu đào tạo (chuẩn đầu ra).

+ Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ vào việc giải quyết tình huống thực tiễn

+ Đánh giá trình độ tư duy thông qua việc thực hiện bài thi.

+ Đánh giá cả quá trình học tập của SV, không đánh giá kiến thức tại một số thời điểm như: Tình huống diễn ra trong đời sống nghề nghiệp tương lai, Mô phỏng trình độ tư duy ở mức độ cao (Phân tích, Đánh giá, Sáng tạo). Trình độ tư duy ở mức độ thấp (Biết, Hiểu, Áp dụng), Vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ để giải quyết tình huống thực...

- Tổ chức lưu giữ về kết quả học tập của SV; thu thập thông tin về mức độ thích ứng với công việc của từng SV từ cơ sở sử dụng GVMN

- Thiết lập được mối liên hệ giữa trường sư phạm với các cơ sở GDMN sử dụng SV sau khi ra trường

- Tổ chức cho SV đã tốt nghiệp tự đánh giá (đạt được, chưa đạt được) đối chiếu với mục tiêu đào tạo của nhà trường.

- rà soát sứ mệnh, chuẩn đầu ra, mục tiêu đào tạo, chính sách, chương trình, giáo trình đào tạo, qui trình đào tạo, phương pháp đào tạo, năng lực đội ngũ giảng viên, kiểm tra đánh giá quy trình thực hành thực tập.

#### 4. Kết luận

Chất lượng đào tạo đã trở thành một trong các mối quan tâm của tất cả các tổ chức giáo dục ĐH hiện nay. Tại Việt Nam, chất lượng đào tạo ở trường ĐH đã và đang là mối quan tâm của toàn xã hội và trở thành yếu tố quan trọng hàng đầu trong cơ chế thị trường, trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập quốc tế. Nhà trường là nơi trực tiếp tạo ra và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo của mình.

Đối với công tác đào tạo GVMN, kết quả đầu ra là yếu tố cốt lõi, bảo đảm sự "sống còn" của một mô hình đào tạo. Để có kết quả đầu ra tốt, quá trình đào tạo GVMN cần gắn với việc nghiên cứu, nắm bắt thực tế công tác tuyển dụng GVMN và có những giải pháp kịp thời, phù hợp, hiệu quả nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng được nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực GV chất lượng cao. Với những biện pháp đã đề xuất, tác giả hy vọng các giảng viên trong chương trình GDMN trường ĐH Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương sẽ lựa chọn và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn giảng dạy, để nâng cao chất lượng đào tạo GVMN, đáp ứng được yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục Đào tạo ở Việt Nam hiện nay. □

**Tài liệu tham khảo**

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TTBGDDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Phát triển giáo dục MN giai đoạn 2018-2025”*.
- [3]. Bùi Hiền. (2001). *Từ điển giáo dục học*, NXB Từ điển Bách khoa Hà Nội.
- [4]. Đảng cộng sản Việt Nam (2013). *Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương khóa XI*, Hà Nội.
- [5]. Đoàn Thị Minh Trinh, Nguyễn Hội Nghĩa (2014). *Hướng dẫn thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [6]. Nguyễn Thị Bạch Mai (2015), *Phát triển đội ngũ giáo viên MN đáp ứng yêu cầu phổ thông giáo dục MN cho trẻ em 5 tuổi các tỉnh Tây Nguyên*, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Hà Nội.
- [7]. Raja Roysingh (1994), *Nền giáo dục cho thế kỷ hai mươi mốt - Những triển vọng của Châu Á - Thái Bình Dương*, Viện Khoa học Giáo dục.

**Measures to manage the quality of training preschool teachers at Thu Dau Mot University, Binh Duong province according to the CIPO approach**

Nguyen Thi Hien

Postgraduate, Course 20.1, HCM City University of Education

Email: hiennt@tdmu.edu.vn

**Abstract:** *In the context of the current fundamental and comprehensive innovation of education, preschool teachers not only need to ensure professional title standards but also have good professional qualifications and solid professional capacity. Therefore, the quality of the preschool teachers depends on the training process in the pedagogical schools. The article analyzes some measures to manage the quality of preschool teachers training at Thu Dau Mot University, Binh Duong province according to the CIPO approach.*

**Keywords:** *Quality of training, university, preschool teachers, management, CIPO approach.*